

Phục lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CHUẨN HÓA TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC PHẠM VI,
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (29 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất Mã TTHC: 1.004122	24 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	1.200.000 đồng/hồ sơ	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
2	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất Mã TTHC: 2.001738	17 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	600.000 đồng/hồ sơ	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
3	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất Mã TTHC:	8 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ	Không	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số

	1.004253		trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	công trực tuyến		14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
4	Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất Mã TTHC: 1.012501	8 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không	- Khoản 1 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
5	Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước Mã TTHC: 1.012498	43 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không	- Khoản 2 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 7 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
6	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp	26 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.

	quyền Mã TTHC: 1.012505					
7	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành Mã TTHC: 1.009669	26 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
8	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành Mã TTHC: 2.001770	45 ngày/ 38 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
9	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước Mã TTHC: 1.004283	21 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không	- Khoản 3 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
10	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất,	23 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công	Không	- Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ;

	giấy phép khai thác tài nguyên nước Mã TTHC: 1.012500		ng nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	ích, dịch vụ công trực tuyến		- Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
11	Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004232	45 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Chưa quy định	- Điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
12	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004228	38 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Chưa quy định	- Điểm a khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
13	Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004223	45 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Chưa quy định	- Điểm b khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ- CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.

14	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm Mã TTHC: 1.004211	38 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Chưa quy định	- Điểm b khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
15	Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025) Mã TTHC: 1.004179	45 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m ³ /giờ; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m ³ /ngày đêm: 538.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m ³ đến dưới 0,5 m ³ /giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m ³ đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: 1.600.000đ	- Điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.

					- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³ đến dưới 1 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 4.056.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m³ đến dưới 2 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m³ đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 7.530.000đ	
16	Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt Mã TTHC: 1.004167	38 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	- Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m ³ /giờ; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc các mục đích	- Điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.

			Son La		khác với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm: 269.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 800.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³ đến dưới 1 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m³ đến dưới 20.000 m³/ngày đêm: 2.028.000đ - Đối với đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m³ đến dưới 2 m³/giờ;	
--	--	--	--------	--	---	--

					hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m3 đến dưới 50.000 m3/ngày đêm: 3.765.000đ	
17	Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước. Mã TTHC: 1.011518	23 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	không	- Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.
18	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước Mã TTHC: 1.000824	17 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	- Thăm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép thăm dò/khai thác, sử dụng nước dưới đất: + Đối với thiết kế giếng thăm dò có lưu lượng dưới 200 m3/ngày đêm: 107.400 đồng + Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m3 đến dưới 500 m3/ngày đêm: 295.500 đồng + Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m3 đến dưới 1.000 m3/ngày đêm: 690.000 đồng	- Khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.

					+ Đối với đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.344.000 đồng. - Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép khai thác sử dụng nước mặt: + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm: 161.400 đồng + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m³ đến dưới 0,5 m³/giờ; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m³ đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 480.000 đồng + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m³ đến dưới	
--	--	--	--	--	--	--

					1 m3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m3 đến dưới 20.000 m3/ngày đêm: 1.216.800 đồng + Đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m3 đến dưới 2 m3/giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m3 đến dưới 50.000 m3/ngày đêm: 2.259.000 đồng.	
19	Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh Mã TTHC: 5.001628	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Khoản 5 Điều 22 Luật tài nguyên nước năm 2023; - Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 03/2024/TTBTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Khoản 1 Điều 3 Thông tư số 14/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
20	Lập danh mục nguồn nước phải	Không	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ	Không quy định	- Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2023;

	lập hành lang bảo vệ nguồn nước Mã TTHC: 5.001634	quy định	hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến		- Khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
21	Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp Mã TTHC: 5.001647	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Khoản 10, 11 Điều 22 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
22	Điều chỉnh danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc Điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước Mã TTHC: 5.001635	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Khoản 3 Điều 23 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Khoản 4 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 22 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
23	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Điểm b Khoản 2 Điều 26 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Khoản 2 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TTBTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên

	phổ trực thuộc trung ương Mã TTHC: 5.001638		chính công tỉnh Sơn La			và Môi trường; - Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 14/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
24	Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất Mã TTHC: 5.001639	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Điều 24 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 14/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
25	Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất Mã TTHC: 5.001640	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Khoản 7 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Điều 25 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Khoản 6 Điều 3 Thông tư số 14/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.
26	Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công	Không quy định	- Khoản 4 Điều 31 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Điều 38 Nghị định số

	hạn chế khai thác nước dưới đất Mã TTHC: 5.001641		ng nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	ích, dịch vụ công trực tuyến		53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Khoản 9 Điều 22 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.
27	Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp Mã TTHC: 5.001646	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Khoản 2 Điều 57 và Điểm c Khoản 2 Điều 58 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ; - Khoản 10 Điều 22 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP của Chính phủ.
28	Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên Mã TTHC: 5.001619	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	Khoản 6 Điều 26 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Khoản 3 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TTBTTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường; - Khoản 1 Điều 30 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Khoản 3 Điều 3 Thông tư số 14/2025/TTBNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

29	Lập, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp Mã TTHC: 5.001634	Không quy định	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Khoản 6 Điều 63 Luật Tài nguyên nước năm 2023; - Khoản 2 Điều 30 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ.
----	---	----------------	---	--	----------------	---

II. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước Mã TTHC: 1.001740	26 ngày	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Sơn La.	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	Điều 21 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025.

III. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (đồng)	Căn cứ pháp lý
1	Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất Mã TTHC: 1.001662	8 ngày	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	- Nộp hồ sơ trực tiếp, qua dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công trực tuyến	Không quy định	- Điều 23 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ; - Điều 6 Thông tư số 14/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025.

Phụ lục II

**QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC
THUỘC PHẠM VI, CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG**
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng năm của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

I. QUY TRÌNH LIÊN THÔNG UBND TỈNH: 29 quy trình**1. Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất**

- Thời gian giải quyết: 24 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	16 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			03 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành			01 ngày

	chính công tỉnh			
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				24 ngày

2. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	9 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			03 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành			01 ngày

	chính công tỉnh			
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Gia hạn, điều chỉnh Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	01 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				17 ngày

3. Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

- Thời gian giải quyết: 8 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	3 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			01 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành			1/2 ngày

	chính công tỉnh			
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Cấp lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				8 ngày

4. Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất

- Thời gian giải quyết: 8 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	3 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			01 ngày

B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1/2 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Trả lại Giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				8 ngày

5. Chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước

- Thời gian giải quyết: 43 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	35 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày

B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			03 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định chấp thuận nội dung về phương án chuyển nước	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				43 ngày

6. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền

- Thời gian giải quyết: 26 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	18 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày

	tỉnh	hành chính công		
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			03 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				26 ngày

7. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành

- Thời gian giải quyết: 26 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	18 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày

B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			03 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				26 ngày

8. Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành

8.1. Trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước

- Thời gian giải quyết: 45 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	36 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo	1 ngày

			Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				45 ngày

8.2. Trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước

- Thời gian giải quyết: 38 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	29 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày

B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định phê duyệt tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				38 ngày

9. Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước

- Thời gian giải quyết: 21 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	12 ngày

		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				21 ngày

10. Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

- Thời gian giải quyết: 23 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	14 ngày

		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Tạm dừng hiệu lực giấy phép giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				23 ngày

11. Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm

- Thời gian giải quyết: 45 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định.	36 ngày

			Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				45 ngày

12. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm

- Thời gian giải quyết: 38 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày

		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	29 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định gia hạn, điều chỉnh giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				38 ngày

13. Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm

- Thời gian giải quyết: 45 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày

B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	36 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Cấp giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000m ³ /ngày đêm	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				45 ngày

14. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm

- Thời gian giải quyết: 38 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày

B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	29 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước dưới đất	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				38 ngày

15. Cấp giấy phép khai thác nước mặt (đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 và các trường hợp quy định tại điểm c, d, đ, e khoản 4 Điều 31 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025)

- Thời gian giải quyết: 45 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	36 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Cấp giấy phép khai thác nước mặt	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				45 ngày

16. Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt

- Thời gian giải quyết: 38 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	29 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				38 ngày

17. Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

- Thời gian giải quyết: 23 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
----	--------------------	-----------------------	--------------------	---------------------

B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	14 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Chấp thuận trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				23 ngày

18. Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước

- Thời gian giải quyết: 17 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực
----	--------------------	-----------------------	--------------------	----------------

				hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, phòng TNN & CTTL phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo Quyết định. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	8 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Quyết định. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	1 ngày
B4	Chuyển hồ sơ liên thông UBND tỉnh	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Hồ sơ liên thông	1/2 ngày
B5	Liên thông UBND tỉnh để thẩm định trình lãnh đạo UBND tỉnh ký phê duyệt			04 ngày
B6	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh đóng dấu, phát hành chuyển Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh			1 ngày
B7	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công	Quyết định Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				17 ngày

19. Phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh

a) Trình tự thực hiện:

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tổ chức xác định, điều chỉnh phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh.	Hồ sơ xác định, điều chỉnh phân vùng chức năng đối với các nguồn nước mặt nội tỉnh.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	gửi lấy ý kiến các Sở: Công Thương, Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan về kết quả phân vùng chức năng nguồn nước.	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Quyết định.	
B4	Ủy ban nhân dân tỉnh	phê duyệt, điều chỉnh chức năng nguồn nước mặt nội tỉnh.	Quyết định phê duyệt	
B5	Ủy ban nhân dân tỉnh	công bố, đăng tải	công bố, đăng tải Quyết định phê duyệt, điều chỉnh phân vùng chức năng nguồn nước trên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Trong thời hạn không quá 14 ngày kể từ ngày phê duyệt
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

20. Lập danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực
----	--------------------	-----------------------	--------------------	----------------

				hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.	Hồ sơ Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng, và các sở, ngành có liên quan về Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	
B4	Ủy ban nhân dân tỉnh	xem xét, phê duyệt Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	Quyết định phê duyệt	
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	công bố, đăng tải	tổ chức công bố Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, thông báo và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày phê duyệt

Tổng thời gian thực hiện: không quy định	
---	--

21. Điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Định kỳ (05 năm một lần) hoặc trong trường hợp cần thiết, Sở Nông nghiệp và Môi trường rà soát, lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt. Riêng đối với trường hợp điều chỉnh đưa ra khỏi danh mục: trên cơ sở đề xuất của các Sở, ngành hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh đưa ra khỏi Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp đã phê duyệt.	Hồ sơ danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy ban nhân	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	

		dân cấp xã nơi có hồ, ao, đầm, phá đề xuất đưa ra khỏi danh mục và cơ quan, tổ chức có liên quan về hồ sơ đề nghị điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp.		
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện hồ sơ.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; hoàn thiện hồ sơ trình.	
B4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	
B6	Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt Quyết định điều chỉnh Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.	Quyết định phê duyệt	
B7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	công bố, đăng tải	công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh đã được điều chỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt

			nhập vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.	
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

22. Điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ nguồn nước hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Rà soát, đánh giá lập Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh hoặc các nguồn nước phải điều chỉnh phạm vi hành lang.	Hồ sơ Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ trên địa bàn cần điều chỉnh hoặc các nguồn nước phải điều chỉnh phạm vi hành lang.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gửi hồ sơ lấy ý kiến Sở Công Thương, Sở Xây dựng và các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan về việc điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 26 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thiện hồ sơ điều chỉnh Danh	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ	

	trường	mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.	trình, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	
B4	Ủy ban nhân dân tỉnh	xem xét, quyết định điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước.	Quyết định phê duyệt	
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	công bố, đăng tải	Tổ chức công bố điều chỉnh Danh mục nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ hoặc điều chỉnh phạm vi hành lang bảo vệ nguồn nước trên các phương tiện thông tin đại chúng, đăng tải trên cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường, thông báo và niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có nguồn nước phải lập hành lang bảo vệ.	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

23. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình nằm trên địa bàn 01 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực
----	--------------------	-----------------------	--------------------	----------------

				hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 và hiện trạng sử dụng đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có công trình khai thác tổ chức xác định phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.	Hồ sơ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy phép khai thác tài nguyên nước, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.	Tờ trình, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	10 ngày
B3	Ủy ban nhân dân tỉnh	ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.	Quyết định phê duyệt	
B4	Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	công bố, đăng tải	tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể

			phương và gửi Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.	từ ngày có quyết định phê duyệt
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

24. Phê duyệt kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tổ chức thực hiện việc điều tra, thống kê, tổng hợp thông tin, số liệu và xây dựng dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	Hồ sơ dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến Sở: Xây dựng, Công Thương, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về Dự thảo kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; hoàn thiện hồ sơ; Văn bản lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.	

		của Cục Quản lý tài nguyên nước.		
B4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Kế hoạch, tài liệu khác có liên quan.	
B5	Ủy ban nhân dân tỉnh	xem xét, phê duyệt Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	
B6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cập nhật	cập nhật Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.	Trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ chức thực hiện.
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

25. Điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	tổ chức rà soát kế hoạch bảo vệ nước dưới đất, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh kết quả rà soát và kiến nghị điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh (nếu có)	Báo cáo, dự thảo điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.	

		theo định kỳ (05 năm) hoặc trong trường hợp cần thiết.		
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gửi lấy ý kiến bằng văn bản đến các Sở: Xây dựng, Công Thương, Y tế, Ủy ban nhân dân cấp xã và đại diện một số tổ chức, cá nhân khai thác, sử dụng nước dưới đất lớn trên địa bàn tỉnh về dự thảo điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất.	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	
B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên cơ sở ý kiến của các cơ quan, đơn vị và gửi lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; hoàn thiện hồ sơ; Văn bản lấy ý kiến của Cục Quản lý tài nguyên nước.	
B4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn chỉnh dự thảo điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo điều chỉnh Kế hoạch, tài liệu khác có liên quan.	
B5	Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	
B6	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Cập nhật	cập nhật điều chỉnh kế hoạch bảo vệ nước dưới đất vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia trong vòng 07 ngày sau khi	Trong vòng 07 ngày sau khi được phê duyệt và tổ

			được phê duyệt và tổ chức thực hiện.	chức thực hiện.
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

26. Phê duyệt, điều chỉnh Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	xây dựng hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.	hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gửi hồ sơ lấy ý kiến về hồ sơ phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất bằng văn bản tới các cơ quan, đơn vị liên quan, bao gồm: Các Sở: Xây dựng, Công Thương, Y tế và các sở, ban, ngành khác có liên quan; Ủy ban nhân dân cấp xã có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất; Đại diện cộng đồng dân cư có phạm vi thuộc vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	

		dưới đất; Các tổ chức, cá nhân có công trình khai thác nước dưới đất nằm trong phương án. Hồ sơ lấy ý kiến theo quy định tại khoản 1 Điều 38 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.		
B3	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân được lấy ý kiến	trả lời bằng văn bản trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Văn bản tham gia ý kiến	30 ngày
B4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thiện hồ sơ trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, cơ quan, tổ chức, cá nhân báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định với sự tham gia của các sở, ban, ngành có liên quan và các chuyên gia, nhà khoa học về tài nguyên nước.	hoàn thiện hồ sơ; báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức hội đồng thẩm định	
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Nông nghiệp và Môi trường các địa phương liên kết có liên quan và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình, hồ sơ; văn bản lấy ý kiến góp ý.	
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến hội đồng thẩm định và gửi hồ sơ kèm	Phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch bảo vệ nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.	

		theo Báo cáo tiếp thu, giải trình đến Sở Nông nghiệp và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Nông nghiệp và Môi trường để lấy ý kiến góp ý bằng văn bản.		
B6	Sở Nông nghiệp và Môi trường các địa phương liên hệ có liên quan và Bộ Nông nghiệp và Môi trường	Trả lời bằng văn bản.	Văn bản tham gia ý kiến	Trong thời hạn không quá 30 kể từ ngày nhận đủ hồ sơ
B7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến góp ý, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	
B8	Ủy ban nhân dân tỉnh	Xem xét, phê duyệt, điều chỉnh vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.	Quyết định phê duyệt, điều chỉnh	
B9	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Công bố, đăng tải	Tổ chức công bố Danh mục vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất và phương án, lộ trình tổ chức thực hiện việc cấm, hạn chế khai thác nước dưới đất trên các phương tiện thông tin đại chúng và gửi để đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có vùng cấm, vùng hạn	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt, điều chỉnh

			chế khai thác nước dưới đất; thông báo tới các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức thực hiện, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp	
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

27. Lập danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Chủ trì phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã lập Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh.	Hồ sơ Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp trên địa bàn tỉnh.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Gửi lấy ý kiến góp ý của Sở Công thương, Sở Xây dựng, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã có liên quan về hồ sơ xây dựng Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp. Hồ sơ gửi lấy ý kiến theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 57 Nghị định số 53/2024/NĐ-CP.	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	

B3	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và hoàn thiện Hồ sơ.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; hoàn thiện hồ sơ.	
B4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề trình lấy ý kiến Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	
B5	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Căn cứ vào Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường hoàn thiện hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; Tờ trình, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	
B6	Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh.	Quyết định phê duyệt	
B7	Sở Nông nghiệp và Môi trường	công bố, đăng tải	công bố Danh mục hồ, ao, đầm, phá nội tỉnh không được san lấp trên địa bàn tỉnh; gửi đăng tải lên cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cập nhật vào Hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu tài nguyên nước quốc gia.	Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày có Quyết định phê duyệt
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

28. Phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt đối với công trình có phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trên cơ sở đề xuất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của tổ chức, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 12 Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 và hiện trạng sử dụng đất, Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có công trình khai thác nước chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh có liên quan thống nhất phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình	Hồ sơ vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.	
B2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày giấy phép khai thác tài nguyên nước được cấp có thẩm quyền ký ban hành, Sở Nông nghiệp và Môi trường nơi có công trình khai thác nước trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.	Tờ trình, Dự thảo Quyết định, tài liệu khác có liên quan.	15 ngày

B3	Ủy ban nhân dân tỉnh	Ban hành Quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt của công trình.	Quyết định phê duyệt	
B4	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan chỉ đạo Sở Nông nghiệp và Môi trường	công bố, đăng tải	Tổ chức việc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng, trang thông tin điện tử của địa phương và gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường có liên quan đối với phạm vi vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt nằm trên địa bàn hai tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trở lên để tổ chức xác định ranh giới vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt trên thực địa.	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định phê duyệt vùng bảo hộ vệ sinh khu vực lấy nước sinh hoạt
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

29. Lập, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá liên tỉnh không được san lấp

- Thời gian giải quyết: không quy định.

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Ủy ban nhân dân tỉnh (Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu)	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm lập, công bố, điều chỉnh danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp nằm trên địa bàn tỉnh. Trường hợp hồ, ao, đầm, phá nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên thì việc lập, công bố được thực hiện trên địa bàn tỉnh.	Hồ sơ danh mục các hồ, ao, đầm, phá điều chỉnh bổ sung vào Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp đã phê duyệt.	
B2	Ủy ban nhân dân tỉnh	Tổ chức lấy ý kiến góp ý của các Sở, ngành và đại diện cộng đồng dân cư, đại diện một số tổ chức, cá nhân liên quan về danh mục các hồ, ao, đầm, phá không được san lấp và lấy ý kiến của các tỉnh có liên quan trong trường hợp hồ, ao, đầm, phá nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên.	Văn bản xin ý kiến kèm Hồ sơ	
B3	Ủy ban nhân dân cấp tỉnh lập danh mục các hồ, ao, đầm, phá không được san lấp	Tổng hợp ý kiến và giải trình, tiếp thu ý kiến trước khi trình phê duyệt.	Báo cáo tổng hợp, tiếp thu, giải trình; hoàn thiện hồ sơ trình.	
B4	Ủy ban nhân dân tỉnh	Phê duyệt Danh mục hồ, ao, đầm, phá không được san lấp nằm trên địa	Quyết định phê duyệt	

		bàn tỉnh. Trường hợp hồ, ao, đầm, phá nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên thì việc phê duyệt được thực hiện trên địa bàn từng tỉnh.		
B5	Cơ quan lập danh mục	công bố, đăng tải	Tổ chức công bố Danh mục trên các phương tiện thông tin đại chúng và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; thông báo tới Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có liên quan trong trường hợp hồ, ao, đầm, phá nằm trên địa bàn hai tỉnh trở lên.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc
Tổng thời gian thực hiện: không quy định				

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG: 02 quy trình

1. Lấy ý kiến đối với công trình khai thác nguồn nước

- Thời gian giải quyết: 26 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ	1/2 ngày
B2	Chi cục Thủy lợi và Tài nguyên nước	Lãnh đạo Chi cục, Phòng Tài nguyên nước và công trình thủy lợi phân công thụ lý	Phân công thụ lý	1/2 ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ; Dự thảo văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý; Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ	23 ngày
		Lãnh đạo phòng TNN & CTTL, Chi cục	Ý kiến thẩm định	1/2 ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo Sở	Ký duyệt Văn bản. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	01 ngày
B4	Tiếp nhận kết quả liên thông, trả kết quả cho khách hàng	Bộ phận một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	Văn bản tổng hợp các ý kiến góp ý	1/2 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				26 ngày

II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN CỦA CẤP XÃ: 01 quy trình

1. Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất

- Thời gian giải quyết: 8 ngày

TT	Trình tự thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	Sản phẩm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận và bàn giao hồ sơ về phòng chuyên môn	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ, phiếu hạn và trả kết quả	½ ngày
B2	Phòng chuyên môn cấp xã	Lãnh đạo phòng phân công thụ lý	Phân công thụ lý	½ ngày
		Chuyên viên được phân công	Thẩm định hồ sơ. Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện thì soạn thảo văn bản trả lại hồ sơ.	5 ngày
		Lãnh đạo phòng	Ý kiến thẩm định	½ ngày
B3	Phê duyệt	Lãnh đạo UBND cấp xã	Phê duyệt Văn bản/Tờ trình và dự thảo Văn bản. Giao văn thư lấy số, vào sổ, phát hành	½ ngày
B4	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã trả kết quả cho công dân	Bộ phận một cửa tại Trung tâm phục vụ hành chính công xã	Xác nhận Tờ khai đăng ký công trình khai thác nước dưới đất	1 ngày
Tổng thời gian thực hiện:				8 ngày